TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 53/2024/DS-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đời
Ông Nguyễn Kim Thành

-Thư ký phiên tòa: Bà Trương Ngọc Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng: Bà Lê Thị Bích Thuỷ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP P**, địa chỉ trụ sở chính: Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 Tòa nhà L, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hoàng K – chức vụ: Trưởng nhóm thu hồi nợ - MT1 (Theo Văn bản ủy quyền số 15/2024/UQ-CT.HĐQT ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP P và Giấy ủy quyền số 138/2024/UQ ngày 13/8/2024 của Giám đốc Trung tâm bán lẻ Thanh Khê). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh T**, sinh năm: 1997, địa chỉ: Tổ 23, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Đinh Thị D**, sinh năm: 1976, địa chỉ: Tổ 23, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông **Huỳnh A**, sinh năm 1972, địa chỉ: Tổ 23, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP P trình bày:

Ngân hàng TMCP P với ông Huỳnh T đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ để vay vốn tại Ngân hàng chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0096/2022/HĐTD--CN ngày 29/3/2022 và Khế ước nhận nợ số 0096/2022/KƯNN-CN ngày 30/3/2022

+ Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Vay tiêu dùng;

+ Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên;

+ Lãi suất vay: 10.5%/năm, cố định trong 3 tháng đầu được áp dụng theo quy định số 472/2021/QĐ-TGĐ ngày 22/5/2021 về việc áp dụng biểu lãi suất cho vay dùng cho Khách hàng cá nhân và các thông báo thay thế, sửa đổi, bổ sung liên quan. Từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/ lần (Sau đây gọi là Kỳ điều chỉnh lãi suất). Kỳ điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 30/6/2022 với công thức tính lãi như sau:

Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ tối thiểu

Trong đó: Lãi suất cơ sở là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP P ban hành từng thời kỳ; Biên độ tối thiểu 3.9%/năm;

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên bao gồm: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 151, tờ bản đồ số: 65, địa chỉ: KDC phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, chủ sở hữu, sử dụng là ông Huỳnh A và bà Đinh Thị D theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH do Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/11/2010.

Tài sản bảo đảm đã được công chứng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0096/2022/BĐ-CN ngày 29/03/2022 được ký giữa Ngân hàng với ông Huỳnh A, bà Đinh Thị D, tại Văn phòng công chứng Trần Văn H, thành phố Đà Nẵng, số công chứng 001200, quyển số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Huỳnh T đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa ngân hàng với ông Huỳnh T.

Dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 0096/2022/HĐTD-CN ngày 29/3/2022 tạm tính đến ngày 14/8/2024 là 2.992.676.027 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 2.697.933.928 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 272.182.177 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 11.430.759 đồng;

+ Lãi phạt quá hạn: 11.129.163 đồng.

Ngân hàng TMCP P đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay ông Huỳnh T vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Vì vậy, ông Huỳnh T đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các cam kết đã ký kết với OCB.

Ngân hàng TMCP P kính đề nghị Quý Tòa án xem xét giải quyết những yêu cầu sau:

- Buộc ông Huỳnh T trả cho Ngân hàng TMCP P tổng tính đến ngày 14/8/2024 là 2.992.676.027 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 2.697.933.928 đồng, nợ lãi trong hạn: 272.182.177 đồng, lãi quá hạn 11.430.759 đồng, lãi phạt quá hạn 11.129.163 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 15/8/2024 cho đến khi ông Huỳnh T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P. Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Nếu ông Huỳnh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 151, tờ bản đồ số: 65, địa chỉ: KDC phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, chủ sở hữu, sử dụng là ông Huỳnh A và bà Đinh Thị D theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD, số vào sổ cấp GCN: CH do Ủy ban nhân dân quận S, Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/11/2010, đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0096/2022/BĐ-CN ngày 29/03/2022 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP P theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Huỳnh T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh A và bà Đinh Thị D đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt đã không chấp hành các quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P là có cơ sở, phù hợp với các điều khoản trong các Hợp đồng tín dụng và có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Huỳnh T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0096/2022/HĐTD-CN ngày 29 tháng 3 năm 2022 tính đến ngày 14/8/2024 là 2.992.676.027 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 2.697.933.928 đồng, nợ lãi trong hạn: 272.182.177 đồng, lãi quá hạn 11.430.759 đồng, lãi phạt quá hạn 11.129.163 đồng. Lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày tiếp theo trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Huỳnh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp được xử lý theo Điều 299 Bộ luật Dân sự để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn ông Huỳnh T hiện đang cư trú tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng vậy nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn ông Huỳnh T và người người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh A và bà Đinh Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng mặt

ông Huỳnh T, ông Huỳnh A và bà Đinh Thị D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định ông Huỳnh T có vay của Ngân hàng TMCP P theo Hợp đồng tín dụng số 0096/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 29 tháng 3 năm 2022. Thỏa thuận cho vay của hợp đồng là có kỳ hạn, lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ, vay để sử dụng cho mục đích cá nhân, biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng ông Huỳnh A và bà Đinh Thị D, do vậy là hợp đồng vay có biện pháp bảo đảm, có kỳ hạn và có lãi. Xét thấy, các chủ thể giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, việc ký kết hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 117, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

[2.2]. Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân và khách hàng ông Huỳnh T đã nhận đủ tiền vay. Từ khi vay cho đến tháng 7 năm 2023 ông Huỳnh T thực hiện đúng hợp đồng, bắt đầu từ ngày 10/8/2023 thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xét thấy, ông Huỳnh T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đúng hạn là đã vi phạm Điều 5 thoả thuận về cho vay trong Hợp đồng tín dụng, khoản nợ chuyển sang quá hạn theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng TMCP P chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn là có căn cứ theo Điều 8 Hợp đồng, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.3]. Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh T phải thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày 14/8/2024 là 2.992.676.027 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 2.697.933.928 đồng, nợ lãi trong hạn: 272.182.177 đồng, lãi quá hạn 11.430.759 đồng, lãi phạt quá hạn 11.129.163 đồng, lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Xét thấy, yêu cầu trả tiền gốc, tiền lãi, tiếp tục tính lãi của Ngân hàng TMCP P là phù hợp với các điều khoản trong các Hợp đồng tín dụng và có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 73,5m^2, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 65, KDC phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD, số vào sổ cấp GCN CH do Uỷ ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/11/2010 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp, Hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết được công chứng, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 298, 317, 401 Bộ luật Dân sự. Hiện tại tài sản thế chấp đang thuộc quyền sử dụng của ông Huỳnh A và bà Đinh Thị D sử dụng ổn định không có tranh chấp. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản bảo đảm, trong trường hợp ông Huỳnh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp sẽ bị xử lý theo Điều 299 Bộ luật Dân sự để Ngân hàng thu hồi nợ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả là 72.000.000 đồng + 992.676.027 đồng x 2% = 91.853.520 đồng, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp, đã chi, buộc bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

[6]. Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Điều 299, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Điều 08 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP P đối với ông Huỳnh T.

1. Buộc ông Huỳnh T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền 2.992.676.027 đồng (Hai tỷ, chín trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).

Trong đó:

Nợ gốc: 2.697.933.928 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 272.182.177 đồng;

Nợ lãi quá hạn 11.430.759 đồng;

Nợ lãi phạt quá hạn 11.129.163 đồng.

Kể từ ngày 15/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0096/2022/HĐTD-CN ngày 29/3/2022. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Huỳnh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 73,5m^2, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 65, KDC phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD, số vào sổ cấp GCN CH do Uỷ ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/11/2010 cho ông Huỳnh A và bà Đinh Thị D theo Hợp đồng thế chấp số 0096/2022/BĐ-CN ngày 29/3/2022 được lập tại Văn phòng Công chứng Trần Văn H, được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng tại quận Sơn Trà, thành phố Đà

Nẵng ngày 30/3/2022 được xử lý theo Điều 299 Bộ luật Dân sự để đảm bảo thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh T phải chịu án phí 91.853.520 đồng (Chín mươi mốt triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi đồng)

Ngân hàng TMCP P không chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí 43.930.988 đồng (Bốn mươi ba triệu, chín trăm ba mươi nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng) Ngân hàng TMCP P đã nộp theo biên lai thu số 0001871 ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Chi phí tố tụng khác: Buộc ông Huỳnh T phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng